TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Nhung
2. Bà Nguyễn Thanh Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994
Trú tại: Thôn 4, xã I, huyện C S, tỉnh G. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đặng Đình L, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn C X, xã I H, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2020, bản tự khai ngày 24/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị H và anh Đặng Đình L có tìm hiểu và yêu thương nhau, được sự đồng ý hai bên gia đình, chị H và anh L tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2014 tại xã I H, huyện C, tỉnh G. Sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh L không chịu làm ăn, chơi bời, trai gái, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Chị H thấy không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn đã đến trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vào năm 2016 chị H đã tự về nhà mẹ đẻ

ở thôn 4, xã I B, huyện C S, tỉnh G sống và ly thân với L cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Đình L.

- Về con chung: Chị H và anh Đặng Đình L có một con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2015. Hiện cháu Đặng Thị T đang sống với chị H. Về con chung chị H yêu cầu được nuôi cháu Đặng Thị T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Đình L hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn C X, xã I H, huyện C, tỉnh G. Anh L đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ và đã biết việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nhưng anh L không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh L cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa theo Giấy triệu tập.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Đặng Đình L.

Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy

định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Đình L có nơi cư trú tại thôn C X, xã I H, huyện C, tỉnh G thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Đình L không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình L đăng ký kết hôn ngày 10/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã I H, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2014 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình L phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau như vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2020 thôn trưởng thôn C X, xã I H, huyện C cho thấy: Anh L và chị H kết hôn vào năm 2014 cùng sinh sống tại thôn C X, xã I H, huyện C hai năm đầu sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn gia đình xảy ra, giữa hai bên xảy ra cãi vã, chị H về nhà mẹ đẻ ở xã I B, huyện C S, tỉnh G sinh sống từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L thực sự đã không tồn tại kể từ năm 2016 cho đến nay; Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Đình L là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Đình L là hợp lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình L có một con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2015. Hiện cháu T đang sống với chị H được chị H chăm sóc phát triển bình thường; Xét nguyện vọng của chị H được nuôi cháu T. Do đó giao cháu Đặng Thị T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đặng Đình L

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Đặng Thị T thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006212, ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THS DS huyện C;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh